

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
<b>ĐẾN</b>	Số: 29562
	Giờ: Ngày 13 tháng 9 năm 11

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN NGÀY 30/06/2011



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO**

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 22



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi  
Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo hợp nhất này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Phong	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Thanh	Ủy viên
Ông Vũ Tuấn Hưng	Ủy viên
Ông H.E RAT Sokhorn	Ủy viên

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phong	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 3 đến trang 22, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thanh Phong  
Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 30 tháng 08 năm 2011





Số. 530 /BCKT 2011 - ACA

**BÁO CÁO KẾT QUẢ**  
**CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011  
của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cùng với các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011. Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 3 đến trang 22. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét của các Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc về các thông tin được trình bày trên thuyết minh số 22 - "Lợi nhuận khác" và thuyết minh số 23 - "Chi phí khác" của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trần Văn Thức****Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0554/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH**

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2011

**Trần Văn Dũng****Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0283/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>155.166.055.851</b>	<b>166.502.296.043</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>14.426.334.522</b>	<b>20.410.716.583</b>
1. Tiền	111		14.426.334.522	20.410.716.583
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>11.850.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	<b>5</b>	-	11.850.000.000
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>119.621.081.479</b>	<b>126.076.804.270</b>
1. Phải thu khách hàng	131		101.204.084.267	104.477.753.854
2. Trả trước cho người bán	132		15.597.963.212	20.375.150.416
5. Các khoản phải thu khác	135		2.819.034.000	1.223.900.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>13.609.003.178</b>	<b>3.635.230.011</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>6</b>	13.609.003.178	3.635.230.011
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.509.636.672</b>	<b>4.529.545.179</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		160.029.410	646.516.400
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.592.128.802	3.190.904.244
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>7</b>	5.757.478.460	692.124.535
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>185.812.203.664</b>	<b>152.892.013.873</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>133.750.643.591</b>	<b>128.363.602.497</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	14.471.036.240	11.524.143.948
- Nguyên giá	222		16.351.445.621	12.460.201.852
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.880.409.381)	(936.057.904)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>9</b>	8.958.932.470	18.448.599.138
- Nguyên giá	228		8.968.098.808	18.456.098.808
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.166.338)	(7.499.670)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>10</b>	110.320.674.881	98.390.859.411
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>51.047.195.136</b>	<b>23.700.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>11</b>	51.047.195.136	23.700.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>12</b>	<b>1.014.364.937</b>	<b>828.411.376</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		371.507.185	484.083.376
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		298.529.752	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		344.328.000	344.328.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>340.978.259.514</b>	<b>319.394.309.916</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>101.436.872.136</b>	<b>109.018.628.820</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>101.042.182.136</b>	<b>108.801.972.220</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	46.514.756.427	30.122.000.000
2. Phải trả người bán	312		15.579.724.296	53.508.148.818
3. Người mua trả tiền trước	313		5.083.749.337	1.350.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	28.071.326.964	24.077.571.551
5. Phải trả công nhân viên	315		509.325.334	549.488.773
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	5.000.236.500	260.349.800
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		283.063.278	283.063.278
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>394.690.000</b>	<b>216.656.600</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	394.690.000	216.656.600
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>199.640.031.606</b>	<b>196.586.787.424</b>
<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	17	<b>199.640.031.606</b>	<b>196.586.787.424</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.688.000.000	128.688.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		849.189.834	849.189.834
8. Quỹ Dự phòng tài chính	418		283.063.278	283.063.278
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		69.819.778.494	66.766.534.312
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>39.901.355.773</b>	<b>13.788.893.672</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400+439)</b>	<b>440</b>		<b>340.978.259.514</b>	<b>319.394.309.916</b>



Nguyễn Thanh Phong  
Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 30 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Quang Minh  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		47.435.374.158	71.437.405.666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.838.201.600	1.267.477.648
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	18	35.597.172.558	70.169.928.018
4. Giá vốn hàng bán	11	19	18.528.683.320	25.523.263.764
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.068.489.238	44.646.664.254
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.117.275.862	357.470.752
7. Chi phí tài chính	22	21	1.422.445.577	36.338.773
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.422.445.577	36.338.773
8. Chi phí bán hàng	24		2.270.734.905	1.014.845.231
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.514.858.088	7.207.084.878
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		9.977.726.530	36.745.866.124
11. Thu nhập khác	31	22	12.002.418.804	-
12. Chi phí khác	32	23	9.498.982.710	91.140.447
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.503.436.094	(91.140.447)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.481.162.624	36.654.725.677
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	3.471.837.838	9.224.770.117
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(298.529.752)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		9.307.854.538	27.429.955.560
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			426.706.990	83.688.744
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			8.881.147.548	27.346.266.816
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	690	3.520



Nguyễn Thanh Phong

Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 30 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Quang Minh

Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		12.481.162.624	36.654.725.677
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		946.018.145	447.928.696
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(3.629.275.862)	-
- Chi phí lãi vay	6		1.422.445.577	36.338.773
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		11.220.350.484	37.138.993.146
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	9		19.649.841.798	(62.028.518.343)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(9.973.773.167)	2.883.063.920
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(36.324.158.806)	5.181.022.744
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		599.063.181	(291.219.805)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.422.445.577)	(36.338.773)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.996.148.805)	(3.809.708.202)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.466.578.483)	(2.210.786.354)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(23.713.849.375)</b>	<b>(23.173.491.667)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.821.059.239)	(11.703.034.213)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	22		11.850.000.000	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23		(27.347.195.136)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	24		1.117.275.862	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(30.200.978.513)</b>	<b>(11.703.034.213)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		31.359.656.000	38.646.990.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		56.460.251.380	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(39.889.461.553)	(4.583.258.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>47.930.445.827</b>	<b>34.063.732.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(5.984.382.061)</b>	<b>(812.793.880)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.410.716.583	9.063.058.554
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>14.426.334.522</b>	<b>8.250.264.674</b>



Nguyễn Thanh Phong  
Tổng Giám đốc  
Bình Thuận, ngày 30 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Quang Minh  
Kế toán trưởng



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng Bảo Thư, là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ nhất số 4702002159 ngày 18 tháng 04 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Vốn Điều lệ của Công ty là 5.760.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 11 năm 2008 tăng vốn Điều lệ lên 9.600.000.000 đồng.

Từ ngày 18 tháng 04 năm 2006 đến ngày 04 tháng 11 năm 2009 là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bảo Thư. Từ ngày 05 tháng 11 năm 2009 đến nay là Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico.

Ngày 05 tháng 11 năm 2009, Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico theo giấy Đăng ký kinh doanh số 3600802882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp với vốn Điều lệ là 56.880.000.000 đồng.

Công ty chuyển đổi Đăng ký kinh doanh số 3600802882 ngày 22 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận tăng vốn Điều lệ lên 86.668.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 22 tháng 05 năm 2010 tăng vốn Điều lệ lên 128.688.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần khoáng sản Bình Thuận Hamico đặt tại: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận.

Tổng số cán bộ công nhân viên của toàn Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 55 người (tại 31/12/2010 là 65 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch;
- San lấp mặt bằng;
- Mua bán nguyên liệu gốm, sứ, vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị phụ tùng xe cơ giới, phân bón, hoá chất;
- Mua bán lương thực thực phẩm, hàng nông lâm thủy sản;
- Mua bán bột đá, bột kaolin, bột cát, bột đất sét đã qua chế biến;
- Mua bán máy móc ngành nông, ngư nghiệp;
- Mua bán đất sét, kaolin, kim loại, quặng kim loại;
- Sàng, lọc, rửa cát;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống;
- Trồng cây hàng năm, lâu năm;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Khai thác đất;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (đại lý vận tải biển);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Bán buôn nguyên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị (thiết bị tàu thuyền);
- Đóng tàu và sửa chữa tàu thuyền;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Nạo vét, khai thông luồng lạch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển);
- Vận tải hàng hoá bằng đường thủy nội địa;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh hạ tầng dân dụng và khu công nghiệp, gia công cơ khí.
- Kinh doanh, môi giới bất động sản;



**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**Các Công ty con do Công ty mẹ giữ Cổ phần chi phối:**

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ – vốn chủ sở hữu là 142.354.664.602 đồng. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty mẹ chiếm 83% vốn chủ sở hữu.
- Công ty TNHH Nguyên liệu gốm sứ Thiên Lợi – vốn chủ sở hữu là 3.666.000.000 đồng. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty mẹ chiếm 62% vốn chủ sở hữu.
- Công ty Cổ phần Nạo vét và San lấp Thiên Bảo - vốn chủ sở hữu là 1.170.000.000 đồng. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty mẹ chiếm 77% vốn chủ sở hữu.
- Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Khoáng sản Bình Thuận Joton - vốn chủ sở hữu là 8.447.000.000 đồng. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty mẹ chiếm 88% vốn chủ sở hữu.
- Công ty TNHH Nạo vét và San lấp Quang Hồng – vốn chủ sở hữu là 11.700.000.000 đồng. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty mẹ chiếm 62% vốn chủ sở hữu.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất số liệu của các Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ, Công ty TNHH Nguyên liệu gốm sứ Thiên Lợi, Công ty Cổ phần Nạo vét và San lấp Thiên Bảo, Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Khoáng sản Bình Thuận Joton, Công ty TNHH Nạo vét và San lấp Quang Hồng.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

**3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ THỰC HIỆN CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



## **TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, Công ty liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định tương ứng với tỷ lệ vốn thực góp của các cổ đông tại thời điểm ngày 30/06/2011.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư ngắn hạn**

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay, ủy thác quản lý vốn với thời hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng.

### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.





**TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Hàng tồn kho (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính của Công ty. Giá trị quyền sử dụng đất được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền. Giá trị phần mềm kế toán được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi đầu tư để hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi được bàn giao đưa vào sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản trả trước dài hạn được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Riêng đối với giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh với thời hạn không quá 2 năm.



## **TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO**

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Thuế (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	11.646.718.243	10.810.613.428
Tiền gửi ngân hàng	2.779.616.279	9.600.103.155
<b>Cộng</b>	<b>14.426.334.522</b>	<b>20.410.716.583</b>

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng	-	11.850.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>11.850.000.000</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Hàng hóa	13.609.003.178	3.635.230.011
<b>Cộng</b>	<b>13.609.003.178</b>	<b>3.635.230.011</b>

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng	5.757.478.460	679.124.535
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	13.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.757.478.460</b>	<b>692.124.535</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2011	1.330.574.545	175.801.131	10.499.155.777	409.549.349	45.121.050	12.460.201.852
Tăng trong kỳ:	57.336.364	2.319.160.091	1.504.384.587	10.362.727	-	3.891.243.769
+ Mua sắm	57.336.364	2.319.160.091	1.504.384.587	10.362.727	-	3.891.243.769
Giảm trong kỳ:	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2011</b>	<b>1.387.910.909</b>	<b>2.494.961.222</b>	<b>12.003.540.364</b>	<b>419.912.076</b>	<b>45.121.050</b>	<b>16.351.445.621</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2011	133.707.696	166.061.104	535.378.726	91.902.308	9.008.070	936.057.904
Tăng trong kỳ:	116.135.431	291.822.270	510.648.157	23.212.287	2.533.332	944.351.477
+ Khấu hao trong kỳ	116.135.431	291.822.270	510.648.157	23.212.287	2.533.332	944.351.477
Giảm trong kỳ:	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2011</b>	<b>249.843.127</b>	<b>457.883.374</b>	<b>1.046.026.883</b>	<b>115.114.595</b>	<b>11.541.402</b>	<b>1.880.409.381</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2011	1.196.866.849	9.740.027	9.963.777.051	317.647.041	36.112.980	11.524.143.948
Tại 30/06/2011	1.138.067.782	2.037.077.848	10.957.513.481	304.797.481	33.579.648	14.471.036.240



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO**Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi  
Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2011	10.000.000	18.446.098.808	18.456.098.808
Tăng trong kỳ:	-	-	-
Giảm trong kỳ:	-	9.488.000.000	9.488.000.000
+ Thanh lý, nhượng bán (*)	-	9.488.000.000	9.488.000.000
Số dư tại 30/06/2011	10.000.000	8.958.098.808	8.968.098.808
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2011	7.499.670	-	7.499.670
Tăng trong kỳ:	1.666.668	-	1.666.668
+ Khấu hao trong kỳ	1.666.668	-	1.666.668
Giảm trong kỳ:	-	-	-
Số dư tại 30/06/2011	9.166.338	-	9.166.338
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư tại 01/01/2011	2.500.330	18.446.098.808	18.448.599.138
Số dư tại 30/06/2011	833.662	8.958.098.808	8.958.932.470

(\*): Đây là việc bán 6 lô đất tại Khu dân cư TTTM Bắc Phan Thiết, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Gồm:

+ Lô đất L80, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB573689, vào sổ số CT01067 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 29/10/2010. Thửa số 100, tờ bản đồ 53, diện tích 170 m<sup>2</sup>, đất đô thị, thời gian sử dụng lâu dài.

+ Lô đất L81, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB573541, vào sổ số CT00342 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30/06/2010. Thửa số 71, tờ bản đồ 2, diện tích 170 m<sup>2</sup>, đất đô thị, thời gian sử dụng lâu dài.

+ Lô đất L82, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB573542, vào sổ số CT00343 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30/06/2010. Thửa số 72, tờ bản đồ 2, diện tích 170 m<sup>2</sup>, đất đô thị, thời gian sử dụng lâu dài.

+ Lô đất L83, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB573543, vào sổ số CT00344 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30/06/2010. Thửa số 73, tờ bản đồ 2, diện tích 170 m<sup>2</sup>, đất đô thị, thời gian sử dụng lâu dài.

+ Lô đất L84, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB573544, vào sổ số CT00345 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30/06/2010. Thửa số 88, tờ bản đồ 2, diện tích 170 m<sup>2</sup>, đất đô thị, thời gian sử dụng lâu dài.

+ Lô đất L85, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB573545, vào sổ số CT00341 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30/06/2010. Thửa số 89, tờ bản đồ 2, diện tích 170 m<sup>2</sup>, đất đô thị, thời gian sử dụng lâu dài.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO**

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Dự án khu dịch vụ Cảng Lagi	34.075.300.328	31.933.668.691
Dự án Khu chuyển tải	33.413.907.556	33.393.948.574
Dự án mỏ cát trắng Tân Phước	1.715.200.000	1.715.200.000
Dự án Xây dựng cụm công nghiệp Hải Thắng	13.862.780.799	385.408.726
Xưởng chế biến đá Thạch anh	79.845.500	79.845.500
Dự án Cụm công nghiệp Ba Đăng	3.755.732.767	2.323.696.402
Xây dựng cơ bản văn phòng HAMICO	1.096.224.484	1.096.224.484
Xây dựng cơ bản khu Phước Bình	3.844.395.367	3.844.395.367
Mỏ Cát Trắng	5.404.523.400	5.404.523.400
Xây dựng cơ bản dở dang khác (*)	13.072.764.680	18.213.948.267
<b>Cộng</b>	<b>110.320.674.881</b>	<b>98.390.859.411</b>

(\*): Trong đó đất của kho Phước Bình thuộc thửa đất số 558, 559, 560, 561, 562, 609, 610, 771, 778, 779, tờ bản đồ số 26 thuộc xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai có giá trị 12.044.296.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011 lô đất này vẫn chưa được chuyển quyền sử dụng đất cho Công ty.

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Bình Thuận (1)	48.902.820.542	23.700.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Khoáng sản Tây Nguyên (2)	2.144.374.594	-
<b>Cộng</b>	<b>51.047.195.136</b>	<b>23.700.000.000</b>

(1): Hợp đồng số 01/2010/HDKT ngày 25 tháng 12 năm 2010 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Bình Thuận và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghiệp Bào Thư, góp vốn liên doanh thực hiện dự án san lấp mặt bằng 50ha thuộc cụm công nghiệp Ba Đăng. Tổng giá trị hợp đồng là 80 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghiệp Bào Thư góp 50 tỷ đồng tiền được chuyển thành hai đợt, đợt một năm 2010 23,7 tỷ đồng, đợt hai năm 2011 là 26,3 tỷ đồng. Như vậy số tiền còn phải góp trong hai quý còn lại cuối năm 2011 là 1.097.179.458 đồng.

(2): Là khoản góp vốn, chiếm 13% vốn chủ sở hữu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Khoáng sản Tây Nguyên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO**

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí trả trước dài hạn (1)	371.507.185	484.083.376
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (2)	298.529.752	-
Tài sản dài hạn khác (3)	344.328.000	344.328.000
<b>Cộng</b>	<b>1.014.364.937</b>	<b>828.411.376</b>

(1): Đây là chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng cần phân bổ.

(2): Loại trừ lãi chưa thực hiện trong kỳ đối với phần giá trị hàng tồn kho cuối kỳ tại Công ty mẹ (Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận Hamico) cho hàng bán nội bộ, mà Công ty mẹ mua hàng của Công ty con (Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu) trong kỳ.

(3): Đây là khoản ký cược cho Hợp đồng thuê mặt bằng số 06.2010/HGP/SGD, ngày 04/06/2010 của Công ty tại TP.Hồ Chí Minh.

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) – Chi nhánh Trường Chinh, TP.Hồ Chí Minh (1)	21.000.000.000	-
Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh Đồng Nai	300.000.000	-
Vay cá nhân:	25.214.756.427	30.122.000.000
- Ông Nguyễn Quang Minh	-	5.000.000.000
- Ông Nguyễn Quang Thanh	-	1.000.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Phong	-	500.000.000
- Bà Nguyễn Thị Kiều Hạnh	-	824.000.000
- Bà Nguyễn Thị Mai (2)	18.520.424.427	13.000.000.000
- Ông Nguyễn Văn Dũng	-	8.000.000.000
- Ông Phạm Quang Hồng (3)	6.694.332.000	1.798.000.000
<b>Cộng</b>	<b>46.514.756.427</b>	<b>30.122.000.000</b>

(1): Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 95424389 ngày 04 tháng 3 năm 2011. Hạn mức tín dụng 29 tỷ VND, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay theo từng kế ước nhận nợ cụ thể, biến động từ 19%/năm - 20%/năm. Mục đích vay là thanh toán tiền hàng cho Công ty CP Đầu tư &amp; Phát triển Công nghiệp Bảo Thu. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại quận 7, TP.Hồ Chí Minh và huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai là tài sản của Ông Nguyễn Văn Dũng và Bà Nguyễn Thị Mai - là bên thế chấp, đứng ra bảo lãnh cho hợp đồng vay vốn này.

(2): Gồm 2 hợp đồng chủ yếu:

+ Hợp đồng vay vốn số 01/01/HĐVV-Hamico, ngày 09 tháng 01 năm 2011, với tổng hạn mức cho vay là 10 tỷ VND, thời hạn vay 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng, ngày đáo hạn là ngày 10 tháng 01 năm 2012, lãi suất 0,0%/tháng tính trên tổng số dư nợ thực tế.

+ Hợp đồng vay vốn số 03/02/2011/HĐVV-Hamico, ngày 24 tháng 02 năm 2011, với tổng hạn mức cho vay là 8 tỷ VND, thời hạn vay 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng, ngày đáo hạn là ngày 10 tháng 01 năm 2012, lãi suất 0,0%/tháng tính trên tổng số dư nợ thực tế.

(3): Hợp đồng vay vốn số 01.11/HĐVV-QH, ngày 30 tháng 06 năm 2011, với tổng hạn mức cho vay là 7 tỷ VND, thời hạn vay 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng, ngày đáo hạn là ngày 30 tháng 06 năm 2012, lãi suất 0,0%/tháng tính trên tổng số dư nợ thực tế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO**

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/06/2011</u> VND	<u>01/01/2011</u> VND
Thuế giá trị gia tăng	1.472.351.818	1.068.916.766
Thuế tài nguyên	153.711.250	-
Thuế xuất, nhập khẩu	2.665.982.664	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.484.343.818	23.008.654.785
Phí, lệ phí và các khoản thuế phải nộp khác	1.294.937.414	-
<b>Cộng</b>	<b><u>28.071.326.964</u></b>	<b><u>24.077.571.551</u></b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2011</u> VND	<u>01/01/2011</u> VND
Bảo hiểm xã hội	65.236.500	20.029.800
Tiền góp vốn (*)	4.885.000.000	-
Phải trả khác	50.000.000	240.320.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.000.236.500</u></b>	<b><u>260.349.800</u></b>

(\*): Đây là khoản góp vốn bằng tiền của một số cổ đông vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ. Tuy nhiên, do một số thủ tục pháp lý về việc góp vốn vẫn chưa được hoàn thành nên Công ty Bảo Thụ sẽ thực hiện chuyển sang theo dõi trên mục Vốn đầu tư của chủ sở hữu vào quý IV năm 2011 khi mà các thủ tục pháp lý được hoàn thiện.

**16. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>30/06/2011</u> VND	<u>01/01/2011</u> VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hoà	-	216.656.600
Ngân hàng United Oversea Bank (UOB)	394.690.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>394.690.000</u></b>	<b><u>216.656.600</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO**

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Năm trước</b>					
Số dư tại 01/01/2010	46.880.000.000	-	-	5.503.996.675	52.383.996.675
Tăng trong năm:	81.808.000.000	849.189.834	283.063.278	64.791.904.891	147.732.158.003
+ Tăng vốn	81.808.000.000	-	-	-	81.808.000.000
+ Lãi	-	849.189.834	283.063.278	64.791.904.891	65.924.158.003
Giảm trong năm:	-	-	-	3.529.367.254	3.529.367.254
+ Giảm khác	-	-	-	3.529.367.254	3.529.367.254
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>128.688.000.000</b>	<b>849.189.834</b>	<b>283.063.278</b>	<b>66.766.534.312</b>	<b>196.586.787.424</b>
<b>Kỳ này</b>					
Số dư tại 01/01/2011	128.688.000.000	849.189.834	283.063.278	66.766.534.312	196.586.787.424
Tăng trong kỳ:	-	-	-	8.881.147.548	9.659.401.720
+ Lãi trong kỳ	-	-	-	8.881.147.548	9.659.401.720
Giảm trong kỳ:	-	-	-	5.827.903.366	6.260.214.039
+ Giảm khác	-	-	-	5.827.903.366	6.260.214.039
<b>Số dư tại 30/06/2011</b>	<b>128.688.000.000</b>	<b>849.189.834</b>	<b>283.063.278</b>	<b>69.819.778.494</b>	<b>199.985.975.105</b>

**Cổ phiếu**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	12.868.800	12.868.800
- Cổ phiếu thường	12.868.800	12.868.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.868.800	12.868.800
- Cổ phiếu thường	12.868.800	12.868.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng/1 cổ phiếu	10.000	10.000





**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO**

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***18. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu bán hàng hóa	47.435.374.158	71.437.405.666
Các khoản giảm trừ:	11.838.201.600	1.267.477.648
+ Hàng bán bị trả lại	11.838.201.600	-
+ Thuế xuất khẩu	-	1.267.477.648
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>35.597.172.558</b>	<b>70.169.928.018</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá vốn bán hàng hóa	18.528.683.320	25.523.263.764
<b>Cộng</b>	<b>18.528.683.320</b>	<b>25.523.263.764</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.117.275.862	357.470.752
<b>Cộng</b>	<b>1.117.275.862</b>	<b>357.470.752</b>

**21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền vay	1.422.445.577	36.338.773
<b>Cộng</b>	<b>1.422.445.577</b>	<b>36.338.773</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO**

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***22. THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Thu từ bán đất (*)	12.000.000.000	-
Thu nhập khác	2.418.804	-
<b>Cộng</b>	<b>12.002.418.804</b>	<b>-</b>

(\*): Đây là khoản doanh thu bán 6 lô đất tại Khu dân cư TTTM Bắc Phan Thiết, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, như đã được đề cập tại thuyết minh số 9 – “Tài sản cố định vô hình”. Sáu lô đất này được bán cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển Khoáng sản Tây Nguyên, là đơn vị mà Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Bình Thuận Hamico góp 13% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011.

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, việc bán lô đất này vẫn chưa được hoàn tất thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên mua. Công ty chỉ mới hoàn thiện thủ tục bán bằng việc ký kết hợp đồng mua bán, biên bản bàn giao đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên mua. Hiện Công ty đang xúc tiến các thủ tục pháp lý còn lại cho việc sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng 6 lô đất này vào quý III năm 2011 cho bên mua.

**23. CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí bán đất (*)	9.488.000.000	-
Chi phí khác	10.982.710	91.140.447
<b>Cộng</b>	<b>9.498.982.710</b>	<b>91.140.447</b>

(\*): Đây là giá trị ghi sổ của 6 lô đất tại Khu dân cư TTTM Bắc Phan Thiết, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, như đã được đề cập tại thuyết minh số 9 – “Tài sản cố định vô hình” và thuyết minh số 22 – “Thu nhập khác”.

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.471.837.838	9.224.770.117
Kỳ hiện tại	3.471.837.838	9.224.770.117
Phần thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty liên kết	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.471.837.838</b>	<b>9.224.770.117</b>
(Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(298.529.752)	-
Ảnh hưởng của các khoản mục chênh lệch tạm thời		
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.173.308.086</b>	<b>9.224.770.117</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO**

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	8.881.147.548	27.346.266.816
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.881.147.548	27.346.266.816
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.868.800	7.768.641
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	690	3.520

**26. GIAO DỊCH VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<b>Các giao dịch bán:</b>	
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Khoáng sản Tây Nguyên (xem thuyết minh số 22 "Thu nhập khác")	12.000.000.000
Công ty CP Việt Cam Lào (bán cát san lấp)	14.879.249.000
<b>Các giao dịch mua và tiền vay cá nhân:</b>	
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu (mua sản lát và cát nhiễm mặn)	15.716.023.400
Công ty CP Việt Cam Lào	63.070.000
Bà Nguyễn Thị Mai (tiền vay)	18.235.000.000

Sổ dư với các bên liên quan tại ngày 30/06/2011

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền VND
<b>Phải thu từ các bên liên quan</b>			
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Bình Thuận	Khách hàng chiến lược	Bán bất động sản	951.683.314
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Khoáng sản Tây Nguyên	Công ty mẹ đã góp vốn chiếm 13% vốn chủ sở hữu	Bán bất động sản	12.000.000.000
Công ty TNHH Nguyên liệu gốm sứ Thiên Lợi	Công ty con	Bán tài sản (máy xúc)	1.765.000.000
Công ty CP Việt Cam Lào	Khách hàng chiến lược	Bán cát san lấp	14.879.249.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu	Công ty con	Ứng trước tiền hàng	8.294.464.180

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO**

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/06/2011 (tiếp theo)****Phải trả cho các bên liên quan**

Công ty TNHH Nạo vét và San lấp  
Quang Hồng  
Bà Nguyễn Thị Mai

Công ty con

Vợ chủ tịch HĐQT

Mua cát  
san lấp

Tiền vay

757.000.000

18.520.424.427

**27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào tính đến ngày 30/06/2011.

**28. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính.

Số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính.



Nguyễn Thanh Phong  
Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 30 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Quang Minh  
Kế toán trưởng